VĂN BẢN HỢP NHẤT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 12 /2026/VBHN-NĐ-BNV

Hà Nội, ngày 02 tháng 11 năm 2026

NGHỊ ĐỊNH
Quy định về chế độ, chính sách đối với thanh niên xung phong cơ sở ở miền Nam tham gia kháng chiến giai đoạn 1965 - 1975

Nghị định số 112/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định về chế độ, chính sách đối với thanh niên xung phong cơ sở ở miền Nam tham gia kháng chiến giai đoạn 1965 - 1975, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20 tháng 11 năm 2017, được sửa đổi, bổ sung bởi:

Nghị định số 388/2026/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 112/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định về chế độ, chính sách đối với thanh niên xung phong cơ sở ở miền Nam tham gia kháng chiến giai đoạn 1965 - 1975, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2026.

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Thanh niên ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nội vụ[1];

Chính phủ ban hành Nghị định quy định về chế độ, chính sách đối với thanh niên xung phong cơ sở ở miền Nam tham gia kháng chiến giai đoạn 1965 - 1975.

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định chế độ trợ cấp một lần; trợ cấp hằng tháng; trợ cấp mai táng và chính sách vay vốn sản xuất, kinh doanh đối với thanh niên xung phong cơ sở ở miền Nam tham gia kháng chiến trong thời gian từ ngày 26 tháng 3 năm 1965 đến ngày 30 tháng 4 năm 1975 ở các tỉnh từ Quảng Trị đến Cà Mau.

---

[1] Nghị định số 388/2026/NĐ-CP có các căn cứ ban hành như sau:
Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;
Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;
Căn cứ Luật Thanh niên số 57/2020/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 97/2025/QH15;
Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nội vụ;
Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 112/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định về chế độ, chính sách đối với thanh niên xung phong cơ sở ở miền Nam tham gia kháng chiến giai đoạn 1965 - 1975.

2. Đối tượng áp dụng

Thanh niên xung phong cơ sở ở miền Nam tham gia kháng chiến trong thời gian từ ngày 26 tháng 3 năm 1965 đến ngày 30 tháng 4 năm 1975 (sau đây gọi chung là thanh niên xung phong cơ sở ở miền Nam).

Điều 2. Đối tượng không áp dụng

1. Đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 1 Nghị định này thuộc một trong các trường hợp sau đây không được hưởng các chế độ, chính sách quy định tại Nghị định này:

a) Đã được giải quyết chế độ liệt sĩ; người chết[2] nhưng không còn vợ hoặc chồng; bố đẻ, mẹ đẻ; con đẻ, con nuôi, người nuôi dưỡng hợp pháp hoặc người thờ cúng;

b) Đang chấp hành hình phạt tù có thời hạn; hoặc người bị kết án một trong những tội về xâm phạm đến an ninh quốc gia;

c) Xuất cảnh trái phép, đang định cư ở nước ngoài bất hợp pháp hoặc bị tòa án tuyên bố là mất tích; hoặc thoái thác nhiệm vụ, đầu hàng, phản bội, chiêu hồi.

2. Đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 1 Nghị định này thuộc một trong các trường hợp sau đây không được hưởng chế độ trợ cấp một lần, chế độ trợ cấp hằng tháng và chế độ trợ cấp mai táng:

a) Các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Hiện đang hưởng chế độ hưu trí, chế độ mất sức lao động, chế độ bệnh binh, chế độ thương binh, người hưởng chính sách như thương binh, chế độ người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học hằng tháng hoặc đang công tác tại các cơ quan nhà nước, làm việc trong các doanh nghiệp nhà nước hưởng lương từ ngân sách nhà nước và có tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc;

c) Đối tượng đã được tính thời gian tham gia thanh niên xung phong để hưởng chế độ trợ cấp theo Quyết định số 104/1999/QĐ-TTg ngày 14 tháng 4 năm 1999 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến; Quyết định số 290/2005/QĐ-TTg ngày 08 tháng 11 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ, chính sách đối với một số đối tượng trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước nhưng chưa được hưởng chính sách của Đảng và Nhà nước; Quyết định số 188/2007/QĐ-TTg ngày 06 tháng 12 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 290/2005/QĐ-TTg ngày 08 tháng 11 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ, chính sách đối với một số đối tượng trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước nhưng chưa được hưởng chính sách của Đảng và Nhà nước; Quyết định số 142/2008/QĐ-TTg ngày 27 tháng 10 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ về thực hiện chế độ đối với quân nhân tham gia

[2] Từ "từ trần" được thay thế bởi từ "chết" theo quy định tại khoản 1 Điều 7 Nghị định số 388/2026/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2026.

kháng chiến chống Mỹ cứu nước có dưới 20 năm công tác trong quân đội đã phục viên, xuất ngũ về địa phương; Quyết định số 38/2010/QĐ-TTg ngày 06 tháng 5 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 142/2008/QĐ-TTg ngày 27 tháng 10 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ về thực hiện chế độ đối với quân nhân tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước có dưới 20 năm công tác trong quân đội đã phục viên, xuất ngũ về địa phương; Quyết định số 53/2010/QĐ-TTg ngày 20 tháng 8 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ quy định về chế độ đối với cán bộ, chiến sĩ Công an nhân dân tham gia kháng chiến chống Mỹ có dưới 20 năm công tác trong Công an nhân dân đã thôi việc, xuất ngũ về địa phương và Quyết định số 40/2011/QĐ-TTg ngày 27 tháng 7 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ quy định về chế độ đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến.

3. Đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 1 Nghị định này thuộc một trong các trường hợp sau đây không được hưởng chính sách vay vốn:

a) Các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Đối tượng đã được vay vốn sản xuất kinh doanh theo quy định tại Quyết định số 40/2011/QĐ-TTg ngày 27 tháng 7 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ.

Điều 3. Điều kiện áp dụng

Người được hưởng chế độ, chính sách quy định tại Nghị định này phải đảm bảo các điều kiện sau đây:

1. Được huy động tham gia kháng chiến theo Nghị quyết Đại hội Đoàn Thanh niên nhân dân cách mạng miền Nam lần thứ nhất ngày 26 tháng 3 năm 1965.

2. Tham gia tổ chức thanh niên xung phong cơ sở ở miền Nam do Đoàn Thanh niên nhân dân cách mạng miền Nam hoặc chính quyền cách mạng cấp khu, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã thành lập dưới các hình thức tổ chức như: Đại đội, trung đội, phân đội, tiểu đội, đội hoặc lấy tên đơn vị thanh niên xung phong gắn với địa danh, cấp hành chính.

3. Độ tuổi tham gia thanh niên xung phong cơ sở ở miền Nam từ 16 đến 30 tuổi. Trường hợp đặc biệt dưới 16 tuổi, có sức khỏe tốt, tình nguyện gia nhập thanh niên xung phong cơ sở ở miền Nam và được các đơn vị thanh niên xung phong cơ sở chấp thuận nhưng không dưới 14 tuổi.

4. Có thời gian hoạt động tại cơ sở (xã, ấp, liên xã, liên huyện) từ ngày 26 tháng 3 năm 1965 đến ngày 30 tháng 4 năm 1975.

5. Phương thức hoạt động không tập trung.

6. Thực hiện một trong các nhiệm vụ sau:

a) Làm giao liên dẫn đường, diệt ác ôn và chống tề;

b) Làm công tác địch vận, tổ chức hoạt động liên lạc với những người của cách mạng hoạt động trong tổ chức của địch;

c) Bảo vệ và chăm, nuôi cán bộ cách mạng;

d) Trực tiếp tải thương, tiếp đạn phục vụ lực lượng vũ trang chính quy, và lực lượng vũ trang địa phương;

đ) Trực tiếp vận chuyển vũ khí, lương thực, thực phẩm, thuốc men, tài liệu từ vùng địch chiếm đóng ra căn cứ và ngược lại;

e) Lập ấp, xã chiến đấu, tham gia xây dựng chiến hào, làm đường phục vụ kháng chiến; phá hủy cơ sở hạ tầng, phương tiện, thiết bị phục vụ chiến tranh của địch;

g) Tham gia phục vụ chiến đấu hoặc tham gia phục vụ các chiến trường khi có yêu cầu của cấp trên;

h) Tham gia thực hiện một số nhiệm vụ khác do tổ chức cách mạng phân công.

Chương II
QUY ĐỊNH VỀ CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH

Điều 4. Chế độ trợ cấp một lần

1. Thanh niên xung phong cơ sở ở miền Nam có đủ điều kiện theo quy định tại Điều 3 Nghị định này được hưởng chế độ trợ cấp một lần, tính theo số năm thực tế tham gia thanh niên xung phong cơ sở. Trường hợp có thời gian tham gia thanh niên xung phong cơ sở ở các đợt khác nhau hoặc gián đoạn thì được cộng dồn để tính hưởng chế độ, cụ thể như sau:

a) Từ đủ 02 năm trở xuống, mức trợ cấp một lần bằng 2.500.000 đồng;

b) Trên 02 năm thì từ năm thứ 3 trở đi cứ mỗi năm được cộng thêm 800.000 đồng.

Khi tính thời gian thực hiện chế độ trợ cấp một lần, nếu có tháng lẻ thì từ đủ 6 tháng trở lên được tính tròn một năm, dưới 6 tháng được tính nửa (1/2) năm.

2. Trường hợp thanh niên xung phong cơ sở ở miền Nam có giấy tờ gốc hoặc giấy tờ liên quan quy định tại khoản 1 Điều 8 Nghị định này nhưng không thể hiện cụ thể thời gian tham gia kháng chiến thì được hưởng mức 2.500.000 đồng.

3. Trường hợp thanh niên xung phong cơ sở ở miền Nam chết[3] trước ngày Nghị định này có hiệu lực thì thân nhân của người chết[4] được hưởng chế độ trợ cấp một lần bằng 3.600.000 đồng.

---

[3] Từ "từ trần" được thay thế bởi từ "chết" theo quy định tại khoản 1 Điều 7 Nghị định số 388/2026/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2026.

[4] Từ "từ trần" được thay thế bởi từ "chết" theo quy định tại khoản 1 Điều 7 Nghị định số 388/2026/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2026.

Điều 5. Chế độ trợ cấp hằng tháng[5]

Thanh niên xung phong cơ sở ở miền Nam không còn khả năng lao động và sống cô đơn, không nơi nương tựa thì được hưởng trợ cấp hằng tháng bằng 02 lần mức chuẩn trợ giúp xã hội theo quy định hiện hành.

Điều 6. Chế độ trợ cấp mai táng

1. Thanh niên xung phong cơ sở ở miền Nam chết[6] thì người lo mai táng được hưởng trợ cấp mai táng theo mức quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội.

2. Trường hợp thanh niên xung phong cơ sở ở miền Nam chết[7] sau ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành mà chưa được hưởng chế độ trợ cấp một lần hoặc trợ cấp hằng tháng quy định tại Nghị định này thì người lo mai táng được hưởng trợ cấp mai táng quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 7. Vay vốn sản xuất, kinh doanh

1. Thanh niên xung phong cơ sở ở miền Nam được vay vốn tại Ngân hàng Chính sách xã hội để sản xuất, kinh doanh cải thiện đời sống.

2. Thanh niên xung phong cơ sở ở miền Nam khi làm thủ tục vay vốn phải được Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đăng ký hộ khẩu thường trú xác nhận thuộc đối tượng được vay vốn để sản xuất, kinh doanh.

3. Mức vay, lãi suất vay, thời hạn vay vốn, phương thức cho vay và các quy định cho vay khác được áp dụng như đối với chương trình cho vay hộ nghèo trong từng thời kỳ.

4. Việc xử lý nợ rủi ro vốn vay thực hiện theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế xử lý nợ rủi ro tại Ngân hàng Chính sách xã hội.

Chương III
HỒ SƠ, QUY TRÌNH, THỜI HẠN GIẢI QUYẾT CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH

Điều 8. Hồ sơ xét hưởng chế độ trợ cấp một lần, chế độ trợ cấp hằng tháng

1. Hồ sơ xét hưởng chế độ trợ cấp một lần:

a) Bản khai của đối tượng theo Mẫu số 1A hoặc thân nhân đối tượng (đối với đối tượng đã chết[8]) theo Mẫu số 1B tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Bản sao từ sổ gốc, bản sao có chứng thực hoặc bản sao xuất trình kèm bản chính để đối chiếu của một trong các giấy tờ sau đây chứng minh là thanh niên xung phong cơ sở ở miền Nam: Lý lịch cán bộ, công chức, viên chức hoặc lý lịch

---

[5] Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 1 Nghị định số 388/2026/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2026.

[6] Từ "từ trần" được thay thế bởi từ "chết" theo quy định tại khoản 1 Điều 7 Nghị định số 388/2026/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2026.

[7] Từ "từ trần" được thay thế bởi từ "chết" theo quy định tại khoản 1 Điều 7 Nghị định số 388/2026/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2026.

[8] Từ "từ trần" được thay thế bởi từ "chết" theo quy định tại khoản 1 Điều 7 Nghị định số 388/2026/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2026.

đảng viên khai trước năm 1995 trong đó có thể hiện thời gian tham gia thanh niên xung phong cơ sở ở miền Nam hoặc giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền cấp như: Giấy chứng nhận hoàn thành nhiệm vụ của đơn vị quản lý thanh niên xung phong; Giấy chuyển thương, chuyển viện, phiếu sức khỏe; Giấy khen trong thời gian tham gia lực lượng thanh niên xung phong; Giấy chứng nhận tham gia thanh niên xung phong; Giấy điều động công tác, bổ nhiệm, giao nhiệm vụ;

c) Trường hợp đối tượng không còn một trong các giấy tờ quy định tại điểm b khoản này thì phải có bản xác nhận của ít nhất 02 người làm chứng là những người trực tiếp huy động, tổ chức, quản lý thanh niên xung phong hoặc đồng đội của thanh niên xung phong trong đơn vị từ cấp đại đội trở xuống đã được công nhận là thanh niên xung phong theo Mẫu số 2 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

d) Trường hợp đối tượng không còn một trong các giấy tờ quy định tại điểm b khoản này và không có 02 người làm chứng xác nhận theo quy định tại điểm c khoản này thì đối tượng phải có đơn đề nghị theo Mẫu số 3A gửi Ủy ban nhân dân cấp xã nơi thanh niên xung phong cơ sở hoạt động xác nhận, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi thanh niên xung phong cơ sở hoạt động có trách nhiệm xác nhận theo Mẫu số 3B tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này đối với đối tượng tham gia thanh niên xung phong cơ sở ở miền Nam hiện đăng ký thường trú ở địa phương khác.

2. Hồ sơ xét hưởng chế độ trợ cấp hằng tháng:

a) Bản khai của đối tượng theo Mẫu số 4 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Một trong các giấy tờ chứng minh là thanh niên xung phong cơ sở ở miền Nam quy định tại điểm b, điểm c, điểm d khoản 1 Điều này;

c) Giấy khám sức khỏe theo quy định hiện hành.

Điều 9. Quy trình và thời hạn giải quyết chế độ trợ cấp một lần, chế độ trợ cấp hằng tháng[9]

1. Đối tượng đề nghị hưởng chính sách hoặc thân nhân của đối tượng (trường hợp đối tượng đã chết) nộp 01 bộ hồ sơ theo quy định tại Điều 8 Nghị định này bằng hình thức trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đăng ký thường trú. Trường hợp các thành phần hồ sơ, giấy tờ của người dân kèm theo bản khai đã có trong Cơ sở dữ liệu quốc gia hoặc Cơ sở dữ liệu chuyên ngành và đã được kết nối, chia sẻ với Cổng Dịch vụ công quốc gia, Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính thì cơ quan có thẩm quyền giải quyết không yêu cầu người nộp hồ sơ cung cấp hoặc nộp lại các giấy tờ này khi thực hiện thủ tục hành chính.

2. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp xã rà soát, phân loại, kiểm tra hồ sơ, tổ chức hội nghị để xác định

[9] Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 2 Nghị định số 388/2026/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2026.

những đối tượng đủ điều kiện và lập biên bản xác nhận hồ sơ xét hưởng chế độ trợ cấp theo Mẫu số 5 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này. Thành phần hội nghị gồm đại diện: Đảng ủy, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Hội Cựu thanh niên xung phong hoặc Ban liên lạc Cựu thanh niên xung phong, Hội Cựu chiến binh, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố nơi có đối tượng đề nghị giải quyết chế độ trợ cấp đối với thanh niên xung phong cơ sở ở miền Nam.

Trường hợp địa phương không có tổ chức Hội Cựu thanh niên xung phong hoặc Ban liên lạc Cựu thanh niên xung phong thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét quyết định thành phần tham gia phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương.

3. Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc hội nghị xét duyệt hồ sơ quy định tại khoản 2 Điều này, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm công khai kết quả theo Mẫu số 6A tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã; đăng tải trên Cổng thông tin điện tử và thông báo trên Đài truyền thanh cấp xã trong 05 ngày làm việc.

4. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày hết thời hạn công khai kết quả quy định tại khoản 3 Điều này, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm tổng hợp, báo cáo và chuyển hồ sơ đối tượng đủ điều kiện xét hưởng chế độ trợ cấp đến cơ quan chuyên môn về lĩnh vực Nội vụ thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để thẩm định. Hồ sơ gồm bản khai, giấy tờ theo quy định tại Điều 8 Nghị định này; biên bản hội nghị quy định tại khoản 2 và kết quả công khai quy định tại khoản 3 Điều này.

Trường hợp có đơn thư khiếu nại, tố cáo về kết quả xét duyệt hồ sơ thì Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm xác minh và giải quyết nội dung đơn thư khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo. Thời hạn giải quyết khiếu nại, tố cáo không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính theo quy định tại Điều này.

5. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, cơ quan chuyên môn về lĩnh vực Nội vụ thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Hội Cựu thanh niên xung phong, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh cùng cấp và các cơ quan, đơn vị liên quan hoàn thành việc thẩm định, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định.

6. Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo của cơ quan chuyên môn về lĩnh vực Nội vụ thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành quyết định hưởng chế độ trợ cấp theo Mẫu số 8, 9, 10 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

7. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định hưởng trợ cấp một lần hoặc hằng tháng, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đối tượng đăng ký thường trú có trách nhiệm tổ chức thực hiện việc chi trả chế độ trợ cấp theo quy định hiện hành.

8. Đối tượng quy định tại điểm d khoản 1 Điều 8 Nghị định này, hiện đang đăng ký thường trú tại địa phương khác nếu có yêu cầu xác nhận là thanh niên

xung phong cơ sở ở miền Nam và đề nghị xét hưởng chế độ, chính sách thì thực hiện theo quy trình sau:

a) Đối tượng đề nghị hưởng chính sách hoặc thân nhân của đối tượng (trường hợp đối tượng đã chết) nộp 01 bộ hồ sơ bằng hình thức trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đối tượng tham gia thanh niên xung phong cơ sở ở miền Nam. Hồ sơ gồm đơn đề nghị xác nhận thanh niên xung phong cơ sở ở miền Nam theo Mẫu số 3A kèm bản khai đề nghị hưởng chế độ trợ cấp quy định tại điểm a khoản 1 Điều 8 Nghị định này;

b) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đối tượng tham gia thanh niên xung phong cơ sở ở miền Nam thực hiện quy trình rà soát, kiểm tra hồ sơ, tổ chức hội nghị xét duyệt đối tượng là thanh niên xung phong cơ sở ở miền Nam và lập biên bản xác nhận theo Mẫu số 3B tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này. Thành phần hội nghị gồm đại diện: Đảng ủy, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Hội Cựu thanh niên xung phong hoặc Ban liên lạc Cựu thanh niên xung phong, Hội Cựu chiến binh, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố nơi đối tượng sinh sống khi tham gia thanh niên xung phong cơ sở ở miền Nam. Trường hợp địa phương không có tổ chức Hội Cựu thanh niên xung phong hoặc Ban liên lạc Cựu thanh niên xung phong thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét quyết định thành phần tham gia phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương.

Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc hội nghị xét duyệt, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đối tượng tham gia thanh niên xung phong cơ sở ở miền Nam có trách nhiệm công khai kết quả theo Mẫu số 6B tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã; đăng tải trên Cổng thông tin điện tử và thông báo trên Đài truyền thanh cấp xã trong 05 ngày làm việc.

Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày hết thời hạn công khai kết quả, nếu đủ điều kiện và không có ý kiến phản ánh hoặc đơn thư khiếu nại, tố cáo, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đối tượng tham gia thanh niên xung phong cơ sở ở miền Nam ban hành văn bản theo Mẫu số 7 kèm theo hồ sơ chuyển đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đối tượng đăng ký thường trú;

c) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản và hồ sơ do Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đối tượng tham gia thanh niên xung phong cơ sở ở miền Nam chuyển đến, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đối tượng đăng ký thường trú có trách nhiệm tiếp nhận hồ sơ, giải quyết chế độ trợ cấp một lần, trợ cấp hằng tháng cho đối tượng theo quy định. Quy trình giải quyết chế độ trợ cấp một lần, chế độ trợ cấp hằng tháng được thực hiện theo quy định tại khoản 2, 3, 4, 5, 6, 7 Điều này.

Điều 10. Hồ sơ, quy trình, thời hạn giải quyết chế độ trợ cấp mai táng[10]

1. Hồ sơ của đại diện thân nhân hoặc người lo mai táng, gồm:

[10] Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 3 Nghị định số 388/2026/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2026.

a) Bản trích sao quyết định hưởng chế độ trợ cấp một lần hoặc hằng tháng của thanh niên xung phong cơ sở ở miền Nam đã chết. Trường hợp chưa được hưởng chế độ trợ cấp theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Nghị định này thì nộp bản niêm yết kết quả xét duyệt của Ủy ban nhân dân cấp xã theo Mẫu số 6A quy định tại khoản 3 Điều 9 Nghị định này;

b) Bản chính hoặc bản sao chứng thực giấy chứng tử hoặc trích lục khai tử. Trường hợp cơ quan tiếp nhận hồ sơ khai thác được dữ liệu chứng tử từ Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử hoặc Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư hoặc Cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin có liên quan thì thân nhân hoặc người lo mai táng không phải nộp giấy tờ này.

2. Trình tự thực hiện trợ cấp mai táng

a) Đại diện thân nhân hoặc người lo mai táng cho thanh niên xung phong cơ sở ở miền Nam nộp 01 bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều này bằng hình thức trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đăng ký thường trú;

b) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp xã kiểm tra, làm văn bản đề nghị theo Mẫu số 11 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này và gửi hồ sơ đến cơ quan chuyên môn về lĩnh vực Nội vụ thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

c) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định do Ủy ban nhân dân cấp xã chuyển đến, cơ quan chuyên môn về lĩnh vực Nội vụ thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh kiểm tra, tổng hợp, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

d) Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo của cơ quan chuyên môn về lĩnh vực Nội vụ thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành quyết định hưởng chế độ trợ cấp mai táng đối với thân nhân hoặc người lo mai táng cho thanh niên xung phong cơ sở ở miền Nam;

đ) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định hưởng trợ cấp mai táng, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm chi trả cho thân nhân hoặc người lo mai táng cho thanh niên xung phong cơ sở ở miền Nam.

Điều 11. Hồ sơ, thủ tục và quy trình cho vay vốn sản xuất, kinh doanh

1. Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm lập và xác nhận danh sách thanh niên xung phong cơ sở ở miền Nam thuộc đối tượng được hưởng chính sách vay vốn sản xuất, kinh doanh quy định tại Điều 7 Nghị định này theo Mẫu số 12 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này gửi Ngân hàng Chính sách xã hội.

2. Ngân hàng Chính sách xã hội có trách nhiệm hướng dẫn về hồ sơ, trình tự thủ tục cho vay vốn sản xuất, kinh doanh đối với đối tượng là thanh niên xung phong cơ sở ở miền Nam đảm bảo đơn giản, thuận tiện và dễ thực hiện.

Chương IV
KINH PHÍ THỰC HIỆN VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 12. Kinh phí thực hiện chế độ, chính sách

1.[11] Kinh phí thực hiện chế độ trợ cấp một lần do ngân sách trung ương bổ sung có mục tiêu cho ngân sách địa phương từ nguồn kinh phí thực hiện chính sách ưu đãi người có công với cách mạng; kinh phí thực hiện chính sách cho vay vốn sản xuất kinh doanh quy định tại Nghị định này do ngân sách trung ương bảo đảm.

2. Kinh phí thực hiện chế độ trợ cấp hằng tháng và trợ cấp mai táng đối với các đối tượng theo quy định tại Nghị định này do ngân sách địa phương bảo đảm.

Điều 13. Kinh phí chi công tác quản lý

1. Nội dung và mức chi cho công tác quản lý:

a) Chi phổ biến chính sách ưu đãi đối với thanh niên xung phong cơ sở ở miền Nam. Mức chi theo quy định hiện hành về phổ biến, giáo dục pháp luật;

b) Chi văn phòng phẩm, in ấn biểu mẫu dùng cho chuyên môn. Mức chi thanh toán theo thực tế trên cơ sở dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

c) Chi các hội nghị tập huấn nghiệp vụ, sơ kết, tổng kết; chi công tác kiểm tra[12] việc thực hiện chế độ trợ cấp đối với thanh niên xung phong cơ sở ở miền Nam. Nội dung và mức chi theo quy định về chế độ chi tiêu hội nghị và công tác phí hiện hành;

d) Chi xét duyệt, thẩm định hồ sơ và chi họp Hội đồng xét duyệt cấp xã. Mức chi áp dụng như chi xét duyệt, thẩm định hồ sơ đối tượng thanh niên xung phong quy định tại Quyết định số 40/2011/QĐ-TTg ngày 27 tháng 7 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ;

đ) Chi thù lao cho người không hưởng lương từ ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ chi trả trợ cấp trực tiếp cho thanh niên xung phong cơ sở ở miền Nam.

2.[13] Nguồn kinh phí chi công tác quản lý

a) Kinh phí chi cho công tác quản lý đối tượng trợ cấp một lần được tổng hợp cùng với kinh phí trợ cấp cho đối tượng và do ngân sách trung ương bảo đảm từ nguồn kinh phí thực hiện chính sách ưu đãi người có công với cách mạng. Mức trích chi cho công tác quản lý áp dụng theo mức quy định tại khoản 15 Điều 170 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng và được tính trên tổng kinh phí thực hiện trợ cấp một lần cho đối tượng.

Cơ quan chuyên môn về lĩnh vực Nội vụ chủ trì, phối hợp với cơ quan chuyên

---

[11] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 4 Nghị định số 388/2026/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2026.

[12] Từ "giám sát" được bãi bỏ theo quy định tại khoản 2 Điều 7 Nghị định số 388/2026/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2026.

[13] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 388/2026/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2026.

môn về lĩnh vực Tài chính thống nhất trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh việc phân bổ kinh phí chi công tác quản lý cho các cơ quan, đơn vị liên quan sử dụng; tổng hợp quyết toán kinh phí chi công tác quản lý theo quy định hiện hành;

b) Kinh phí chi công tác quản lý đối tượng trợ cấp hằng tháng do ngân sách địa phương bảo đảm;

c) Kinh phí chi công tác quản lý tại trung ương (bao gồm: Chi tập huấn nghiệp vụ; chi công tác kiểm tra và chi khác phục vụ công tác quản lý) của Bộ Nội vụ được phân bổ, sử dụng và quyết toán trong chi thường xuyên hằng năm của Bộ Nội vụ.

Điều 14. Xử lý vi phạm

Tổ chức và cá nhân có hành vi làm sai lệch hoặc giả mạo hồ sơ để hưởng chế độ, chính sách đối với thanh niên xung phong cơ sở ở miền Nam quy định tại Nghị định này thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm và phải hoàn trả số tiền đã nhận; nếu gây thiệt hại, phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

Chương V
TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 15. Tổ chức thực hiện[14]

1. Bộ Nội vụ có trách nhiệm tổ chức thực hiện các nội dung sau đây:

a) Chủ trì, phối hợp với Hội Cựu thanh niên xung phong Việt Nam và các cơ quan liên quan tổ chức tuyên truyền, phổ biến chế độ, chính sách để các cấp, các ngành, thanh niên xung phong cơ sở ở miền Nam và thân nhân thanh niên xung phong cơ sở ở miền Nam biết, thực hiện;

b) Chỉ đạo cơ quan chuyên môn về lĩnh vực Nội vụ chủ động phối hợp với các cơ quan liên quan giải quyết kịp thời những vướng mắc phát sinh trong việc lập, xác nhận, xét duyệt và thẩm định hồ sơ giải quyết chế độ trợ cấp một lần và hằng tháng trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định theo quy định tại Nghị định này;

c) Tổ chức sơ kết, tổng kết việc thực hiện chế độ, chính sách đối với thanh niên xung phong cơ sở ở miền Nam theo quy định tại Nghị định này.

2. Bộ Tài chính tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền bố trí ngân sách hằng năm thuộc trách nhiệm của ngân sách trung ương để thực hiện chế độ, chính sách theo quy định tại Nghị định này.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm tổ chức thực hiện các nội dung sau đây:

a) Chỉ đạo các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và Ủy

[14] Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 388/2026/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2026.

ban nhân dân cấp xã tổ chức thực hiện chế độ, chính sách quy định tại Nghị định này bảo đảm chặt chẽ, dân chủ, công khai, chính xác, thuận tiện; tổ chức kiểm tra xác suất hoặc kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm đối với hồ sơ đã được giải quyết; trường hợp phát hiện sai phạm thì xử lý theo quy định tại Điều 14 Nghị định này và pháp luật có liên quan;

b) Bố trí ngân sách hằng năm để thực hiện chế độ, chính sách thuộc trách nhiệm của ngân sách địa phương theo quy định tại Nghị định này.

4. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Cựu chiến binh Việt Nam các cấp tăng cường công tác tuyên truyền, vận động và giám sát việc triển khai thực hiện Nghị định này.

5. Đề nghị Hội Cựu thanh niên xung phong Việt Nam tổ chức thực hiện các nội dung sau đây:

a) Phối hợp với Bộ Nội vụ tổ chức tuyên truyền, phổ biến về chế độ, chính sách đối với thanh niên xung phong cơ sở ở miền Nam theo quy định tại Nghị định này;

b) Hướng dẫn Hội Cựu thanh niên xung phong các cấp phối hợp với cơ quan, đoàn thể địa phương thực hiện việc xác nhận, cam kết đúng đối tượng được hưởng chế độ, chính sách, tránh hiện tượng làm sai lệch hoặc giả mạo hồ sơ để hưởng chế độ, chính sách.

Điều 16. Hiệu lực và trách nhiệm thi hành[15]

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 20 tháng 11 năm 2017.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

---

[15] Điều 8 và Điều 9 của Nghị định số 388/2026/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2026 quy định như sau:
*"**Điều 8. Điều khoản thi hành***
1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 12 năm 2026.
2. Kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành, bãi bỏ quy định tại khoản 2 Điều 1 Nghị định số 344/2025/NĐ-CP ngày 29 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ điều chỉnh mức trợ cấp hằng tháng đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến và thanh niên xung phong cơ sở ở miền Nam tham gia kháng chiến giai đoạn 1965 - 1975.
3. Điều 64, Điều 65 Chương VI; Mục IX Phụ lục I; Mẫu số 02, Mẫu số 03 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 129/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nội vụ hết hiệu lực kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực.
Điều 9. Điều khoản chuyển tiếp, trách nhiệm thi hành
1. Các đối tượng đã nộp hồ sơ và được cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục được giải quyết theo quy định tại Nghị định số 112/2017/NĐ-CP, Nghị định số 344/2025/NĐ-CP và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.
2. Thanh niên xung phong cơ sở ở miền Nam chết từ ngày 20 tháng 11 năm 2017 đến trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành mà chưa được giải quyết chế độ trợ cấp một lần và không còn lưu giữ giấy tờ để giải quyết chế độ trợ cấp mai táng quy định tại Nghị định số 112/2017/NĐ-CP thì thân nhân được lập hồ sơ đề nghị xem xét hưởng chế độ trợ cấp một lần bằng 3.600.000 đồng quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị định số 112/2017/NĐ-CP nếu đáp ứng đủ điều kiện theo quy định.
3. Các văn bản dẫn chiếu tại Nghị định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản khác thì nội dung dẫn chiếu được thực hiện theo các văn bản mới.
4. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này."

Phụ lục

TỔNG HỢP CÁC MẪU BIỂU[16]

(Ban hành kèm theo Nghị định số 112/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 388/2026/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2026 của Chính phủ)

Mẫu biểu	Nội dung
Mẫu số 1A	Bản khai cá nhân đề nghị hưởng chế độ trợ cấp một lần đối với thanh niên xung phong cơ sở ở miền Nam
Mẫu số 1B	Bản khai cá nhân đề nghị hưởng chế độ trợ cấp một lần đối với thanh niên xung phong cơ sở ở miền Nam đã chết
Mẫu số 2	Bản xác nhận của người làm chứng về đối tượng tham gia thanh niên xung phong cơ sở ở miền Nam
Mẫu số 3A	Đơn đề nghị xác nhận thanh niên xung phong cơ sở ở miền Nam
Mẫu số 3B	Biên bản xác nhận thanh niên xung phong cơ sở ở miền Nam
Mẫu số 4	Bản khai cá nhân đề nghị hưởng chế độ trợ cấp hằng tháng đối với thanh niên xung phong cơ sở ở miền Nam
Mẫu số 5A	Biên bản Hội nghị xét hưởng chế độ trợ cấp đối với thanh niên xung phong cơ sở ở miền Nam
Mẫu số 5B	Kết quả xét duyệt hồ sơ giải quyết chế độ trợ cấp đối với thanh niên xung phong cơ sở ở miền Nam
Mẫu số 6	Công văn xác nhận và đề nghị xét hưởng chế độ trợ cấp đối với thanh niên xung phong cơ sở ở miền Nam
Mẫu số 7A	Quyết định về việc giải quyết chế độ trợ cấp một lần đối với thanh niên xung phong cơ sở ở miền Nam
Mẫu số 7B	Danh sách thanh niên xung phong cơ sở ở miền Nam được hưởng chế độ trợ cấp một lần
Mẫu số 8A	Quyết định về việc giải quyết chế độ trợ cấp một lần đối với thanh niên xung phong cơ sở ở miền Nam đã từ trần
Mẫu số 8B	Danh sách thân nhân của thanh niên xung phong cơ sở ở miền Nam đã từ trần được hưởng chế độ trợ cấp một lần

[16] Các Mẫu số 1A, Mẫu số 1B, Mẫu số 2, Mẫu số 3A, Mẫu số 3B, Mẫu số 4, Mẫu số 5A, Mẫu số 5B, Mẫu số 6; Mẫu số 7A, Mẫu số 7B; Mẫu số 8A, Mẫu số 8B; Mẫu số 9A, Mẫu số 9B; Mẫu số 11A, Mẫu số 11C; Mẫu số 12 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 112/2017/NĐ-CP được thay thế tương ứng bằng các Mẫu số 1A, Mẫu số 1B, Mẫu số 2, Mẫu số 3A, Mẫu số 3B, Mẫu số 4, Mẫu số 5, Mẫu số 6A, Mẫu số 7, Mẫu số 8, Mẫu số 9, Mẫu số 10, Mẫu số 11, Mẫu số 12 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 388/2026/NĐ-CP theo quy định tại khoản 3 Điều 7 Nghị định số 388/2026/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2026.

Mẫu biểu	Nội dung
Mẫu số 9A	Quyết định về việc giải quyết chế độ trợ cấp hằng tháng đối với thanh niên xung phong cơ sở ở miền Nam
Mẫu số 9B	Danh sách thanh niên xung phong cơ sở ở miền Nam được hưởng chế độ trợ cấp hằng tháng
Mẫu số 10[17]	Tổng hợp danh sách thanh niên xung phong cơ sở ở miền Nam đã được giải quyết chế độ trợ cấp một lần
Mẫu số 11A	Công văn Ủy ban nhân dân cấp xã đề nghị hưởng trợ cấp mai táng
Mẫu số 11B[18]	Công văn của Ủy ban nhân dân cấp huyện đề nghị hưởng trợ cấp mai táng
Mẫu số 11C	Danh sách đối tượng từ trần đề nghị trợ cấp mai táng
Mẫu số 12	Danh sách thanh niên xung phong cơ sở ở miền Nam thuộc đối tượng vay vốn sản xuất, kinh doanh
Mẫu số 6B[19]	Kết quả xác nhận đối tượng là thanh niên xung phong cơ sở ở miền Nam

[17] Mẫu số 10 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 112/2017/NĐ-CP được bãi bỏ theo quy định tại khoản 5 Điều 7 Nghị định số 388/2026/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2026.

[18] Mẫu số 11B tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 112/2017/NĐ-CP được bãi bỏ theo quy định tại khoản 5 Điều 7 Nghị định số 388/2026/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2026.

[19] Mẫu số 6B được bổ sung theo quy định tại khoản 4 Điều 7 Nghị định số 388/2026/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2026.

Mẫu số 1A[20]

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN KHAI CÁ NHÂN
Đề nghị hưởng chế độ trợ cấp một lần đối với thanh niên xung phong cơ sở ở miền Nam

Họ và tên: .....

Ngày, tháng, năm sinh: .....

Số định danh cá nhân: .....

Số điện thoại liên hệ: .....

Ngày vào đảng (nếu có): ..... Chính thức: .....

Khen thưởng (hình thức cao nhất): .....

Giấy tờ chứng minh là thanh niên xung phong cơ sở ở miền Nam, gồm có:

.....
.....
.....

Quá trình tham gia thanh niên xung phong cơ sở ở miền Nam:

Đợt 1:

Tham gia TNXP ngày …… tháng …….. năm ….. Đơn vị ……

Nơi đăng ký tham gia TNXP: xã ……. huyện ……. tỉnh ……...

Ngày ……. tháng …….. năm ……. về địa phương

Cấp huy động tham gia TNXP cơ sở: .....

Nhiệm vụ được giao: .....

Địa bàn thực hiện nhiệm vụ: .....

(Trường hợp tham gia thanh niên xung phong cơ sở ở miền Nam các đợt khác nhau thì khai như trên và tính cộng dồn thời gian tham gia thanh niên xung phong cơ sở ở miền Nam)

Tổng thời gian tham gia TNXP cơ sở: …….. năm ……. tháng.

Hiện nay đang hưởng chế độ chính sách: .....

.....

[20] Mẫu số 1A được thay thế bởi Mẫu số 1A theo quy định tại khoản 3 Điều 7 Nghị định số 388/2026/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2026.

Đề nghị các cơ quan chức năng xem xét, giải quyết cho tôi được hưởng chế độ trợ cấp một lần theo Nghị định của Chính phủ quy định về chế độ, chính sách đối với thanh niên xung phong cơ sở ở miền Nam tham gia kháng chiến giai đoạn 1965 - 1975.

Tôi xin cam đoan lời khai trên đây là đúng sự thật, nếu sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

……, ngày…… tháng …… năm ……

Người khai

(Ký, ghi rõ họ và tên)

Mẫu số 1B[21]

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN KHAI CÁ NHÂN
Đề nghị hưởng chế độ trợ cấp một lần đối với thanh niên xung phong cơ sở ở miền Nam đã chết

I. PHẦN KHAI VỀ THÂN NHÂN CỦA ĐỐI TƯỢNG

Họ và tên: .....

Ngày, tháng, năm sinh: .....

Số định danh cá nhân: .....

Số điện thoại liên hệ: .....

Quan hệ với đối tượng khai dưới đây là: .....

II. PHẦN KHAI VỀ ĐỐI TƯỢNG

Họ và tên ..... Năm sinh .....

Số định danh cá nhân/Căn cước: ..... cấp ngày……..... tháng…… năm ..... nơi cấp .....

Ngày vào đảng (nếu có): ..... Chính thức: .....

Khen thưởng (hình thức cao nhất): .....

Chết ngày.....tháng.....năm.....

Giấy tờ chứng minh là thanh niên xung phong cơ sở ở miền Nam, gồm có:

.....

.....

.....

.....

.....

Quá trình tham gia thanh niên xung phong cơ sở ở miền Nam:

Đợt 1:

Tham gia TNXP ngày…… tháng …….. năm ….. Đơn vị …….

Nơi đăng ký tham gia TNXP: xã……. huyện ……. tỉnh ……...

Ngày ……. tháng …….. năm …… về địa phương

[21] Mẫu số 1B được thay thế bởi Mẫu số 1B theo quy định tại khoản 3 Điều 7 Nghị định số 388/2026/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2026.

Cấp huy động tham gia TNXP cơ sở: .....

Nhiệm vụ được giao: .....

Địa bàn thực hiện nhiệm vụ: .....

(Trường hợp tham gia thanh niên xung phong cơ sở ở miền Nam các đợt khác nhau thì khai như trên và tính cộng dồn thời gian tham gia thanh niên xung phong cơ sở ở miền Nam)

Tổng thời gian tham gia TNXP cơ sở: …….. năm ……. tháng.

Đã hưởng chế độ chính sách: .....

.....

.....

Đề nghị các cơ quan chức năng xem xét, giải quyết chế độ trợ cấp một lần đối với thanh niên xung phong cơ sở ở miền Nam đã chết theo Nghị định của Chính phủ quy định về chế độ, chính sách đối với thanh niên xung phong cơ sở ở miền Nam tham gia kháng chiến giai đoạn 1965 - 1975.

Tôi xin cam đoan lời khai trên đây là đúng sự thật, nếu sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

……, ngày…… tháng …… năm ……

Người khai

(Ký, ghi rõ họ và tên))

Ý KIẾN ỦY QUYỀN VÀ CHỮ KÝ CỦA CÁC THÂN NHÂN CÒN LẠI (NẾU CÓ)

Mẫu số 2[22]

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI LÀM CHỨNG
Về đối tượng tham gia thanh niên xung phong cơ sở ở miền Nam

Họ và tên: .....

Ngày, tháng, năm sinh: .....

Số định danh cá nhân: .....

Số điện thoại liên hệ: .....

Quá trình tham gia thanh niên xung phong cơ sở:

Tham gia TNXP ngày…… tháng ……. năm …….. Đơn vị …….

Nơi đăng ký tham gia TNXP: xã …… huyện ……. tỉnh ……..

Ngày ……. tháng …….. năm …….. về địa phương

Giấy tờ chứng minh, gồm có: ……..

.....

.....

.....

.....

.....

Là người trực tiếp huy động/tổ chức, quản lý/đồng đội: .....

Xác nhận ông (bà) có tên sau là thanh niên xung phong cơ sở ở miền Nam tham gia kháng chiến giai đoạn 1965 - 1975:

Họ và tên ..... Năm sinh .....

Số định danh cá nhân/Căn cước: ..... cấp ngày……..... tháng…… năm ..... nơi cấp .....

Quá trình tham gia thanh niên xung phong cơ sở ở miền Nam:

Tham gia TNXP ngày…… tháng …….. năm ….. Đơn vị…….

Nơi đăng ký tham gia TNXP: xã…….huyện…….tỉnh……..

Ngày ……. tháng …….. năm ……. về địa phương

[22] Mẫu số 2 được thay thế bởi Mẫu số 2 theo quy định tại khoản 3 Điều 7 Nghị định số 388/2026/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2026.

Cấp huy động tham gia TNXP cơ sở: .....

Nhiệm vụ được giao: .....

Địa bàn thực hiện nhiệm vụ: .....

(Trường hợp tham gia thanh niên xung phong cơ sở ở miền Nam các đợt khác nhau thì khai như trên và tính cộng dồn thời gian tham gia thanh niên xung phong cơ sở ở miền Nam)

Tổng thời gian tham gia TNXP cơ sở: …….. năm ……. tháng.

Tôi xin cam đoan lời khai và xác nhận trên đây là đúng, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

……, ngày …… tháng ... năm ……

Người làm chứng

(Ký, ghi rõ họ tên)

XÁC NHẬN CỦA UBND XÃ (PHƯỜNG/ĐẶC KHU)……..

(Xác nhận rõ người làm chứng đã được cấp có thẩm quyền xác nhận là TNXP cơ sở ở miền Nam và thường trú tại địa phương)

Mẫu số 3A[23]

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
Xác nhận thanh niên xung phong cơ sở ở miền Nam

Kính gửi:
- UBND xã/phường/đặc khu (nơi thường trú) .....
- UBND xã/phường/đặc khu (nơi tham gia hoạt động thanh niên xung phong cơ sở ở miền Nam) .....

I. PHẦN KHAI VỀ THÂN NHÂN CỦA ĐỐI TƯỢNG

(Trường hợp thanh niên xung phong cơ sở ở miền Nam còn sống tự kê khai thì bỏ qua Phần I này và bắt đầu kê khai từ Phần II)

Họ và tên: .....

Ngày, tháng, năm sinh: .....

Số định danh cá nhân: .....

Số điện thoại liên hệ: .....

Quan hệ với đối tượng khai dưới đây là: .....

II. PHẦN KHAI VỀ THANH NIÊN XUNG PHONG CƠ SỞ

Họ và tên: .....

Ngày, tháng, năm sinh: .....

Số định danh cá nhân/Căn cước: ..... cấp ngày……..... tháng…… năm ..... nơi cấp .....

Số điện thoại liên hệ (đối với trường hợp thanh niên xung phong còn sống và tự kê khai):.....

Chết ngày.....tháng.....năm.....(đối với trường hợp thanh niên xung phong đã chết và được thân nhân kê khai)

Ngày vào đảng (nếu có): ..... Chính thức: .....

Khen thưởng (hình thức cao nhất): .....

Quá trình tham gia thanh niên xung phong cơ sở ở miền Nam:

Đợt 1:

Tham gia TNXP ngày …… tháng ….... năm …… Đơn vị ……

[23] Mẫu số 3A được thay thế bởi Mẫu số 3A theo quy định tại khoản 3 Điều 7 Nghị định số 388/2026/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2026.

Nơi đăng ký tham gia TNXP: xã …… huyện ……..… tỉnh …..……...

Ngày …… tháng ……. năm …….. về địa phương

Cấp huy động tham gia TNXP cơ sở: .....

Nhiệm vụ được giao: .....

Địa bàn thực hiện nhiệm vụ: ….....

(Trường hợp tham gia thanh niên xung phong cơ sở các đợt khác nhau thì khai như trên và tính cộng dồn thời gian tham gia thanh niên xung phong cơ sở)

Tổng thời gian tham gia TNXP cơ sở: …….. năm ……. tháng.

Hiện nay đang hưởng chế độ chính sách: .....

.....

.....

Đề nghị các cơ quan chức năng xem xét, xác nhận tôi/thân nhân của tôi là thanh niên xung phong cơ sở ở miền Nam tham gia kháng chiến giai đoạn 1965 - 1975.

Tôi xin cam đoan lời khai trên đây là đúng sự thật, nếu sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

….., ngày …… tháng … năm ……

Người khai

(Ký, ghi rõ họ và tên)

Ý KIẾN ỦY QUYỀN VÀ CHỮ KÝ CỦA CÁC THÂN NHÂN CÒN LẠI[24] (NẾU CÓ)

[24] Áp dụng đối với trường hợp thanh niên xung phong cơ sở ở miền Nam đã chết.

Mẫu số 3B[25]

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN XÁC NHẬN THANH NIÊN XUNG PHONG CƠ SỞ Ở MIỀN NAM

Hôm nay, ngày..... tháng ..... năm …….....

Tại UBND xã/phường/đặc khu ……..… tỉnh/thành phố …….....

Chúng tôi, gồm:

1. Đại diện Đảng ủy xã (phường/đặc khu): …….……

2. Đại diện UBND xã (phường/đặc khu): …… …...……..

3. Đại diện Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã (phường/đặc khu): ……

4. Đại diện Hội Cựu thanh niên xung phong (hoặc Ban liên lạc Cựu thanh niên xung phong): ….…….

5. Đại diện Hội Cựu chiến binh xã (phường/đặc khu): …….....

6. Đại diện Đoàn TNCS Hồ Chí Minh xã (phường/đặc khu): . . …….

7. Đại diện thôn/tổ dân phố: ……

Chủ trì (Lãnh đạo UBND xã/phường/đặc khu): .....

Thư ký: .....

Sau khi nghiên cứu hồ sơ và căn cứ ý kiến của đại diện các cơ quan và cán bộ có liên quan, chúng tôi thống nhất xác nhận:

Ông (bà): …….....

Số định danh cá nhân: .....

Quá trình tham gia thanh niên xung phong cơ sở ở miền Nam:

Đợt 1:

Tham gia TNXP ngày …… tháng …….. năm ….. Đơn vị …….

Nơi đăng ký tham gia TNXP: xã ……. huyện ……. tỉnh ……...

Ngày ……. tháng ……. năm ……. về địa phương

Cấp huy động tham gia TNXP cơ sở: .....

Nhiệm vụ được giao: .....

Địa bàn thực hiện nhiệm vụ: .....

[25] Mẫu số 3B được thay thế bởi mẫu số 3B theo quy định tại khoản 3 Điều 7 Nghị định số 388/2026/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2026.

(Trường hợp tham gia thanh niên xung phong cơ sở ở miền Nam các đợt khác nhau thì khai như trên và tính cộng dồn thời gian tham gia thanh niên xung phong cơ sở ở miền Nam)

Tổng thời gian tham gia TNXP cơ sở ở miền Nam: …….. năm ……. tháng.

Đề nghị các cơ quan chức năng xem xét, giải quyết cho ông (bà) ..... hoặc thân nhân của ông (bà) ..... được hưởng chế độ, chính sách theo Nghị định của Chính phủ quy định về chế độ, chính sách đối với thanh niên xung phong cơ sở ở miền Nam tham gia kháng chiến giai đoạn 1965 - 1975.

Biên bản lập thành.....bản, các đại diện có mặt nhất trí cùng ký tên./.

Thư ký hội nghị	**Chủ trì hội nghị**
(Ký, ghi rõ họ và tên)	*(Ký, ghi rõ họ và tên)*

Đại diện Đảng ủy	**Đại diện Ủy ban Mặt trận Tổ quốc**	**Đại diện Hội Cựu TNXP (hoặc Ban liên lạc Cựu TNXP)**
(Ký, ghi rõ họ và tên)	*(Ký, ghi rõ họ và tên)*	*(Ký, ghi rõ họ và tên)*

Đại diện Hội Cựu chiến binh	**Đại diện Đoàn TNCS Hồ Chí Minh**	**Đại diện thôn/tổ dân phố**
(Ký, ghi rõ họ và tên)	*(Ký, ghi rõ họ và tên)*	*(Ký, ghi rõ họ và tên)*

Mẫu số 4[26]

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN KHAI CÁ NHÂN
Đề nghị hưởng chế độ trợ cấp hằng tháng đối với thanh niên xung phong cơ sở ở miền Nam

Họ và tên: .....

Ngày, tháng, năm sinh: .....

Số định danh cá nhân: .....

Số điện thoại liên hệ: .....

Ngày vào đảng (nếu có): ..... Chính thức: .....

Khen thưởng (hình thức cao nhất): .....

Giấy tờ chứng minh là thanh niên xung phong cơ sở ở miền Nam, gồm có:

.....

.....

.....

.....

.....

Quá trình tham gia thanh niên xung phong cơ sở ở miền Nam:

Đợt 1:

Tham gia TNXP ngày …… tháng …….. năm ….. Đơn vị ……

Nơi đăng ký tham gia TNXP: xã ……. huyện ……. tỉnh ……...

Ngày ……. tháng …….. năm ……. về địa phương

Cấp huy động tham gia TNXP cơ sở: .....

Nhiệm vụ được giao: .....

Địa bàn thực hiện nhiệm vụ: .....

(Trường hợp tham gia thanh niên xung phong cơ sở ở miền Nam các đợt khác nhau thì khai như trên và tính cộng dồn thời gian tham gia thanh niên xung phong cơ sở ở miền Nam)

Tổng thời gian tham gia TNXP cơ sở: …….. năm ……. tháng.

Hiện nay đang hưởng chế độ chính sách: .....

[26] Mẫu số 4 được thay thế bởi Mẫu số 4 theo quy định tại khoản 3 Điều 7 Nghị định số 388/2026/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2026.

.....

Hoàn cảnh gia đình và bản thân hiện nay:

- Cô đơn, không chồng (vợ), con: …..……

- Tình trạng sức khỏe: ……

Đề nghị các cơ quan chức năng xem xét, giải quyết cho tôi được hưởng chế độ trợ cấp hằng tháng đối với thanh niên xung phong cơ sở theo Nghị định của Chính phủ quy định về chế độ, chính sách đối với thanh niên xung phong cơ sở ở miền Nam tham gia kháng chiến giai đoạn 1965 - 1975.

Tôi xin cam đoan lời khai trên đây là đúng sự thật, nếu sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

……, ngày…… tháng … năm ……

Người khai

(Ký, ghi rõ họ và tên)

XÁC NHẬN CỦA UBND XÃ (PHƯỜNG/ĐẶC KHU)…

(Về hoàn cảnh gia đình và bản thân của đối tượng)

Mẫu số 5[27]

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN HỘI NGHỊ
Xét hưởng chế độ trợ cấp đối với thanh niên xung phong cơ sở ở miền Nam

Hôm nay, ngày ..... tháng ..... năm …....,

Tại ..... xã (phường/đặc khu) ..... tỉnh/thành phố .....

Chúng tôi gồm:

1. Đại diện Ủy ban nhân dân xã (phường/đặc khu): .....

2. Đại diện Đảng ủy xã (phường/đặc khu): .....

3. Đại diện Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã (phường/đặc khu): .....

4. Đại diện Hội Cựu thanh niên xung phong (hoặc Ban liên lạc Cựu thanh niên xung phong): ……

5. Đại diện Hội Cựu chiến binh xã (phường/đặc khu): .....

6. Đại diện Đoàn TNCS Hồ Chí Minh xã (phường/đặc khu): .....

7. Đại diện thôn/tổ dân phố: .....

Chủ trì (Lãnh đạo UBND xã): .....

Thư ký: .....

Sau khi nghiên cứu hồ sơ và căn cứ ý kiến của đại diện các cơ quan và cán bộ có liên quan, chúng tôi thống nhất xác nhận:

1. Các trường hợp sau đã đảm bảo đủ điều kiện xét hưởng chế độ trợ cấp theo Nghị định của Chính phủ quy định về chế độ, chính sách đối với thanh niên xung phong cơ sở ở miền Nam tham gia kháng chiến giai đoạn 1965 - 1975, cụ thể:

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Số định danh cá nhân	Thời gian tham gia TNXP cơ sở	Đề nghị xét hưởng chế độ trợ cấp		
					Một lần		Hằng tháng
					TNXP	Thân nhân	
.....							

[27] Mẫu số 5A được thay thế bởi Mẫu số 5 theo quy định tại khoản 3 Điều 7 Nghị định số 388/2026/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2026.

2. Các trường hợp sau đây chưa đảm bảo đủ điều kiện xét hưởng chế độ trợ cấp theo Nghị định của Chính phủ quy định về chế độ, chính sách đối với thanh niên xung phong cơ sở ở miền Nam tham gia kháng chiến giai đoạn 1965 - 1975, cụ thể:

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Số định danh cá nhân	Lý do không đủ điều kiện xét hưởng trợ cấp
.....				

Biên bản lập thành ……. bản, các đại diện có mặt nhất trí cùng ký tên./.

Thư ký hội nghị	**Chủ trì hội nghị**
(Ký, ghi rõ họ và tên)	*(Ký, ghi rõ họ và tên)*

Đại diện Đảng ủy	**Đại diện Ủy ban Mặt trận Tổ quốc**	**Đại diện Hội Cựu TNXP (hoặc Ban liên lạc Cựu TNXP)**
(Ký, ghi rõ họ và tên)	*(Ký, ghi rõ họ và tên)*	*(Ký, ghi rõ họ và tên)*

Đại diện Hội Cựu chiến binh	**Đại diện Đoàn TNCS HCM**	**Đại diện thôn/tổ dân phố**
(Ký, ghi rõ họ và tên)	*(Ký, ghi rõ họ và tên)*	*(Ký, ghi rõ họ và tên)*

Mẫu số 6A[28]

ỦY BAN NHÂN DÂN **XÃ (PHƯỜNG/ĐẶC KHU)** **.....**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
	....., ngày.....tháng.....năm .....

KẾT QUẢ XÉT DUYỆT HỒ SƠ
Giải quyết chế độ trợ cấp đối với
thanh niên xung phong cơ sở ở miền Nam

Ngày .... tháng .... năm ....., tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã (phường/đặc khu) .....tỉnh/thành phố..... đã tổ chức Hội nghị xét hưởng chế độ trợ cấp đối với thanh niên xung phong cơ sở ở miền Nam, cụ thể:

1. Các trường hợp đã đảm bảo đủ điều kiện xét hưởng chế độ trợ cấp theo Nghị định của Chính phủ quy định về chế độ, chính sách đối với thanh niên xung phong cơ sở ở miền Nam tham gia kháng chiến giai đoạn 1965 - 1975, cụ thể:

STT	**Họ và tên**	**Ngày tháng năm sinh**	**Thời gian tham gia TNXP cơ sở**	**Đề nghị xét hưởng chế độ trợ cấp**		
				Một lần		**Hằng tháng**
				TNXP	**Thân nhân**	
.....						

2. Các trường hợp chưa đảm bảo đủ điều kiện xét hưởng chế độ trợ cấp theo Nghị định của Chính phủ quy định về chế độ, chính sách đối với thanh niên xung phong cơ sở ở miền Nam tham gia kháng chiến giai đoạn 1965 - 1975, cụ thể:

STT	**Họ và tên**	**Ngày tháng năm sinh**	**Lý do không đủ điều kiện xét hưởng trợ cấp**
.....			

Việc xác nhận đã đảm bảo đúng trình tự, thủ tục, hồ sơ theo quy định. Kết quả

[28] Mẫu số 5B được thay thế bởi Mẫu số 6A theo quy định tại khoản 3 Điều 7 Nghị định số 388/2026/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2026.

xét duyệt được niêm yết trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày..... Trường hợp có đơn thư khiếu nại, tố cáo đề nghị gửi về Ủy ban nhân dân xã (phường/đặc khu) trước ngày..... để xem xét xác minh và giải quyết theo quy định./.

TM. UBND XÃ (PHƯỜNG/ĐẶC KHU) .....
(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 6B[29]

ỦY BAN NHÂN DÂN **XÃ (PHƯỜNG/ĐẶC KHU) .....**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày.....tháng.....năm .....

KẾT QUẢ XÁC NHẬN
Thanh niên xung phong cơ sở ở miền Nam

Ngày....tháng....năm....., tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã (phường/đặc khu).....tỉnh/thành phố..... đã tổ chức Hội nghị và thống nhất xác nhận đối tượng là thanh niên xung phong cơ sở ở miền Nam, cụ thể:

Ông (bà) …….....

Số định danh cá nhân.....

Quá trình tham gia thanh niên xung phong cơ sở ở miền Nam:

Đợt 1:

Tham gia TNXP ngày……tháng ……..năm….. Đơn vị…….

Nơi đăng ký tham gia TNXP: xã…….huyện…….tỉnh……...

Ngày …….tháng……..năm……..về địa phương

Cấp huy động tham gia TNXP cơ sở:.....

Nhiệm vụ được giao:.....

Địa bàn thực hiện nhiệm vụ:.....

Tổng thời gian tham gia TNXP cơ sở: ……...năm…….tháng.

Việc xác nhận đã đảm bảo đúng trình tự, thủ tục, hồ sơ theo quy định. Kết quả xác nhận được niêm yết trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày..... Trường hợp có đơn thư khiếu nại, tố cáo đề nghị gửi về Ủy ban nhân dân xã (phường/đặc khu) trước ngày.....để xem xét, giải quyết theo quy định./.

TM. UBND XÃ (PHƯỜNG/ĐẶC KHU) .....
(Ký tên, đóng dấu)

[29] Mẫu này được bổ sung theo quy định tại khoản 4 Điều 7 Nghị định số 388/2026/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2026.

Mẫu số 7[30]

ỦY BAN NHÂN DÂN **XÃ (PHƯỜNG/ĐẶC KHU) .....**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:...../..... V/v xác nhận và đề nghị xét hưởng chế độ trợ cấp đối với TNXP cơ sở ở miền Nam	*....., ngày..... tháng .....năm .....*

Kính gửi: Ủy ban nhân dân xã (phường/đặc khu) .....

Căn cứ Nghị định số 112/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định về chế độ, chính sách đối với thanh niên xung phong cơ sở ở miền Nam tham gia kháng chiến giai đoạn 1965 - 1975 (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 388/2026/NĐ-CP);

Căn cứ đề nghị của ông (bà) ……..... và đề nghị của Hội Cựu thanh niên xung phong (hoặc Ban liên lạc Cựu thanh niên xung phong);

Ủy ban nhân dân xã (phường/đặc khu) …….. đã tổ chức xét duyệt, công khai kết quả xác nhận đối tượng tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã (phường/đặc khu), đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của xã (phường/đặc khu) và thông báo trên Đài truyền thanh xã (phường/đặc khu) để xin ý kiến nhân dân địa phương, sau…..…ngày, chúng tôi không nhận được ý kiến khiếu kiện về đối tượng đã xét duyệt; nhất trí xác nhận ông/bà có tên sau là thanh niên xung phong cơ sở ở miền Nam, cụ thể:

Họ và tên: .....

Ngày, tháng, năm sinh: .....

Số định danh cá nhân: .....

Quá trình tham gia thanh niên xung phong cơ sở ở miền Nam:

Đợt 1:

Tham gia TNXP ngày …… tháng …….. năm ….. Đơn vị …….

Nơi đăng ký tham gia TNXP: xã ……. huyện ……. tỉnh ……...

Ngày ……. tháng …….. năm …… về địa phương

Cấp huy động tham gia TNXP cơ sở: .....

Nhiệm vụ được giao: .....

[30] Mẫu số 6 được thay thế bởi Mẫu số 7 theo quy định tại khoản 3 Điều 7 Nghị định số 388/2026/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2026.

Địa bàn thực hiện nhiệm vụ: .....
(Trường hợp tham gia thanh niên xung phong cơ sở ở miền Nam các đợt khác nhau thì kê khai như trên và tính cộng dồn thời gian tham gia thanh niên xung phong cơ sở ở miền Nam)

Tổng thời gian tham gia TNXP cơ sở: …….. năm ……. tháng.

(Có Hồ sơ kèm theo)

Đề nghị các cơ quan chức năng xem xét, giải quyết cho ông (bà) ..... hoặc thân nhân của ông (bà) ..... được hưởng chế độ, chính sách theo Nghị định của Chính phủ quy định về chế độ, chính sách đối với thanh niên xung phong cơ sở ở miền Nam tham gia kháng chiến giai đoạn 1965 - 1975./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu:.....

TM. UBND XÃ (PHƯỜNG/ĐẶC KHU) .....
(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 8[31]

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH (THÀNH PHỐ)	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /QĐ-CT	*……, ngày ... tháng... năm ……*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết chế độ trợ cấp một lần đối với thanh niên xung phong cơ sở ở miền Nam

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH (THÀNH PHỐ).....

Căn cứ Nghị định số 112/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định về chế độ, chính sách đối với thanh niên xung phong cơ sở ở miền Nam tham gia kháng chiến giai đoạn 1965 - 1975 (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 388/2026/NĐ-CP);

Căn cứ ……..;

Theo đề nghị của …….....

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giải quyết chế độ trợ cấp một lần đối với ... ông (bà) (có danh sách kèm theo) là thanh niên xung phong cơ sở ở miền Nam đã hoàn thành nhiệm vụ trở về địa phương.

Tổng số tiền ..... đồng

(Bằng chữ: .....đồng)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Giám đốc các Sở:……, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và các ông (bà) có tên trong danh sách chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: - Như Điều 3; - Lưu: VT, …	**CHỦ TỊCH** *(Ký tên, đóng dấu)*

Ghi chú: Trường hợp số đối tượng được hưởng dưới 5 người thì không cần lập biểu danh sách kèm theo; khi đó, nội dung Điều 1 Quyết định cần ghi cụ thể: họ và tên đối tượng được hưởng, số định danh cá nhân, số năm được hưởng, mức trợ cấp.

[31] Mẫu số 7A được thay thế bởi Mẫu số 8 theo quy định tại khoản 3 Điều 7 Nghị định số 388/2026/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2026.

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH (THÀNH PHỐ).....
_____

DANH SÁCH THANH NIÊN XUNG PHONG CƠ SỞ Ở MIỀN NAM ĐƯỢC HƯỞNG CHẾ ĐỘ TRỢ CẤP MỘT LẦN[32]

(Kèm theo Quyết định số .../QĐ-CT ngày.../.../...
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố ...)

Đơn vị: Đồng

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Số định danh cá nhân	Số năm được hưởng	Mức trợ cấp
	Cộng				

……., ngày ... tháng... năm ....

NGƯỜI LẬP
(Ký, ghi rõ họ và tên)

CHỦ TỊCH
(Ký tên, đóng dấu)

[32] Mẫu số 7B được thay thế bởi Mẫu số 8 theo quy định tại khoản 3 Điều 7 Nghị định số 388/2026/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2026.

Mẫu số 9[33]

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH (THÀNH PHỐ)	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /QĐ-CT	*……., ngày ... tháng… năm ……*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết chế độ trợ cấp một lần đối với thanh niên xung phong cơ sở ở miền Nam đã chết

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH (THÀNH PHỐ).....

Căn cứ Nghị định số 112/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định về chế độ, chính sách đối với thanh niên xung phong cơ sở ở miền Nam tham gia kháng chiến giai đoạn 1965 - 1975 (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 388/2026/NĐ-CP);

Căn cứ ……;

Theo đề nghị của ……..……...

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giải quyết chế độ trợ cấp một lần đối với .... ông (bà) (có danh sách kèm theo) là thân nhân của thanh niên xung phong cơ sở ở miền Nam tham gia kháng chiến giai đoạn 1965 - 1975 đã chết.

Tổng số tiền ..... đồng

(Bằng chữ: .....đồng)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Giám đốc các Sở:……., Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và các ông (bà) có tên trong danh sách chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: - Như Điều 3; - Lưu: VT, …..	**CHỦ TỊCH** *(Ký tên, đóng dấu)*

Ghi chú: Trường hợp số đối tượng được hưởng dưới 5 người thì không cần lập biểu danh sách kèm theo; khi đó, nội dung Điều 1 Quyết định cần ghi cụ thể: họ và tên thân nhân TNXP cơ sở ở miền Nam được hưởng, số định danh cá nhân, số năm được hưởng, mức trợ cấp.

[33] Mẫu số 8A được thay thế bởi Mẫu số 9 theo quy định tại khoản 3 Điều 7 Nghị định số 388/2026/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2026.

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH (THÀNH PHỐ) ...
_____

DANH SÁCH
THÂN NHÂN CỦA THANH NIÊN XUNG PHONG CƠ SỞ Ở MIỀN NAM ĐÃ CHẾT ĐƯỢC HƯỞNG CHẾ ĐỘ TRỢ CẤP MỘT LẦN[34]
(Kèm theo Quyết định số .../QĐ-CT ngày.../.../...
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố ...)

Đơn vị: Đồng

Số TT	Họ và tên TNXP	Họ và tên thân nhân TNXP		Quan hệ với TNXP	Mức trợ cấp
		Ngày tháng năm sinh	Số định danh cá nhân		
	Cộng				

……., ngày ... tháng... năm ……

NGƯỜI LẬP
(Ký, ghi rõ họ và tên)

CHỦ TỊCH
(Ký tên, đóng dấu)

[34] Mẫu số 8B được thay thế bởi Mẫu số 9 theo quy định tại khoản 3 Điều 7 Nghị định số 388/2026/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2026.

Mẫu số 10[35]

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH (THÀNH PHỐ)	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: /QĐ-CT	*……, ngày … tháng… năm ……*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết chế độ trợ cấp hằng tháng đối với thanh niên xung phong cơ sở ở miền Nam

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH (THÀNH PHỐ).....

Căn cứ Nghị định số 112/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định về chế độ, chính sách đối với thanh niên xung phong cơ sở ở miền Nam tham gia kháng chiến giai đoạn 1965 - 1975 (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 388/2026/NĐ-CP);

Căn cứ ……..;

Theo đề nghị của ……

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giải quyết chế độ trợ cấp hằng tháng đối với thanh niên xung phong cơ sở ở miền Nam tham gia kháng chiến giai đoạn 1965 - 1975 không còn khả năng lao động và sống cô đơn, không nơi nương tựa, cụ thể:

1. Tổng số đối tượng: .... người (có danh sách kèm theo)

2. Mức trợ cấp hằng tháng là ..... đồng/người.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Giám đốc các Sở: ....., Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và các ông (bà) có tên trong danh sách chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:	**CHỦ TỊCH**
- Như Điều 3;	*(Ký tên, đóng dấu)*
- Lưu: VT, ….	

Ghi chú: Trường hợp số đối tượng được hưởng dưới 5 người thì không cần lập biểu danh sách kèm theo; khi đó, Điều 1 Quyết định được bổ sung nội dung: họ và tên đối tượng được hưởng, số định danh cá nhân.

[35] Mẫu số 9A được thay thế bởi Mẫu số 10 theo quy định tại khoản 3 Điều 7 Nghị định số 388/2026/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2026.

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH (THÀNH PHỐ).....

DANH SÁCH THANH NIÊN XUNG PHONG CƠ SỞ Ở MIỀN NAM ĐƯỢC HƯỞNG CHẾ ĐỘ TRỢ CẤP HẰNG THÁNG [36]

(Kèm theo Quyết định số .../QĐ-CT ngày.../.../...
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố ...)

Đơn vị: Đồng/tháng

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Số định danh cá nhân	Mức trợ cấp khởi điểm	Ghi chú
	Cộng				

....., ngày ... tháng... năm .....

NGƯỜI LẬP
(Ký, ghi rõ họ và tên)

CHỦ TỊCH
(Ký tên, đóng dấu)

[36] Mẫu số 9B được thay thế bởi Mẫu số 10 theo quy định tại khoản 3 Điều 7 Nghị định số 388/2026/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2026.

Mẫu số 11[37]

ỦY BAN NHÂN DÂN **XÃ (PHƯỜNG/ĐẶC KHU) .....**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:...../..... V/v đề nghị hưởng trợ cấp mai táng	*……, ngày …… tháng …… năm ……*

Kính gửi: ……

Căn cứ Nghị định số 112/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định về chế độ, chính sách đối với thanh niên xung phong cơ sở ở miền Nam tham gia kháng chiến giai đoạn 1965 - 1975 (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 388/2026/NĐ-CP); Ủy ban nhân dân xã (phường/đặc khu) ..... đề nghị xem xét, giải quyết trợ cấp mai táng đối với thân nhân hoặc người lo mai táng cho thanh niên xung phong cơ sở ở miền Nam tham gia kháng chiến giai đoạn 1965 - 1975 đã chết, như sau:

- Tổng số đối tượng:. .....

- Tổng số tiền: .....

Các đối tượng trên đã được xét duyệt theo quy định.

(có danh sách và hồ sơ kèm theo)

Đề nghị …… xem xét và giải quyết./.

Nơi nhận: - Như trên; - Lưu: ….	**TM. UBND XÃ (PHƯỜNG/ĐẶC KHU) .....** *(Ký tên, đóng dấu)*

[37] Mẫu số 11A được thay thế bởi Mẫu số 11 theo quy định tại khoản 3 Điều 7 Nghị định số 388/2026/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2026.

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ (PHƯỜNG/ĐẶC KHU).....

DANH SÁCH ĐỀ NGHỊ TRỢ CẤP MAI TÁNG ĐỐI VỚI THANH NIÊN XUNG PHONG CƠ SỞ Ở MIỀN NAM ĐÃ CHẾT[38]

(Kèm theo Công văn số..../... ngày...tháng.....năm.....của.....)

Số TT	Họ và tên TNXP	Ngày tháng năm sinh	Số Quyết định hưởng trợ cấp một lần/hằng tháng	Ngày, tháng, năm chết	Thân nhân/người lo mai táng được hưởng trợ cấp		Mức hưởng (đồng)
					Họ và tên	Số định danh cá nhân	
	Cộng						

NGƯỜI LẬP
(Ký, ghi rõ họ và tên)

TM. UBND XÃ (PHƯỜNG/ĐẶC KHU) .....
(Ký tên, đóng dấu)

[38] Mẫu số 11C được thay thế bởi Mẫu số 11 theo quy định tại khoản 3 Điều 7 Nghị định số 388/2026/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2026.

Mẫu số 12[39]

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ (PHƯỜNG/ĐẶC KHU).....

DANH SÁCH THANH NIÊN XUNG PHONG CƠ SỞ Ở MIỀN NAM
Thuộc đối tượng vay vốn sản xuất, kinh doanh

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Số định danh cá nhân	Ghi chú
	Cộng			

……, ngày … tháng… năm ……
TM. UBND XÃ (PHƯỜNG/ĐẶC KHU) .....
(Ký tên, đóng dấu)

NGƯỜI LẬP
(Ký, ghi rõ họ và tên)

BỘ NỘI VỤ

XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT
Hà Nội, ngày 02 tháng 11 năm 2026
KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Nguyễn Thị Hà

Nơi nhận:
- Văn phòng Chính phủ (để đăng Công báo);
- Bộ Tư pháp (để theo dõi);
- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố;
- Cổng Thông tin điện tử Chính phủ (để đăng tải);
- Bộ trưởng Bộ Nội vụ (để báo cáo);
- Cổng Thông tin điện tử Bộ Nội vụ (để đăng tải);
- Vụ Pháp chế, Bộ Nội vụ (để đăng trên CSDL quốc gia về pháp luật);
- Lưu: VT, Vụ CTTN&BĐG.

[39] Mẫu số 12 được thay thế bởi Mẫu số 12 theo quy định tại khoản 3 Điều 7 Nghị định số 388/2026/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2026.